

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **21/2020/HNGĐ-PT**  
Ngày: 07-9-2020  
V/v “Tranh chấp hôn nhân gia  
đình - ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Ngọc Phượng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Phước Hưng, bà Nguyễn Thị Minh Phượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang:** Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2020 và ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 262/2019/HNGĐ-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 144/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H 3, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Hữu H, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: ấp L 1, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông H có Luật sư Trần Ngọc P  
- Văn phòng luật sư Trần Ngọc P thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang, địa chỉ: Số 51/2 đường B, phường M, TP. L, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Huỳnh Minh K, sinh năm 1966, cư trú: ấp L 1, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

2. Bà Lâm Thị Thúy P, sinh năm 1967, cư trú: ấp L 1, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. (có mặt)

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Hữu H – bị đơn.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

**Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:** Bà và ông H chung sống với nhau vào năm 1997 hôn nhân do mai mối, vợ chồng có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau, vợ chồng thường xảy ra bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp nên xảy ra cự cãi. Vợ chồng không sống với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay tình cảm không còn tôi xin ly hôn với ông Huỳnh Hữu H; Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Hữu H, sinh ngày 09/10/1998 (đã thành niên) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Huỳnh Công T, sinh ngày 12/02/2008. Hiện cháu T đang sống với ông H. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn và giao cháu Huỳnh Công T, sinh ngày 12/02/2008 cho bà L thì bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Vợ chồng có tổng diện tích đất là 29.251m<sup>2</sup> đất 2L tại ấp L1, xã L, huyện C, An Giang. Khi ly hôn bà L yêu cầu được hưởng ½ giá trị đất; Về quan hệ nợ chung: Không có.

**Bị đơn ông Huỳnh Hữu H trình bày:** Không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ vì còn thương vợ, thương con muốn vợ chồng hàn gắn lại để xây dựng hạnh phúc gia đình; Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Hữu H, sinh ngày 09/10/1998 (đã thành niên) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Huỳnh Công T, sinh ngày 12/02/2008. Hiện cháu T đang sống với ông. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn và giao cháu Huỳnh Công T, sinh ngày 12/02/2008 cho ông thì ông nuôi dưỡng không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Ông H cho rằng nguồn gốc đất do cha là ông Huỳnh Văn B để lại nên ông không đồng ý chia. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn và chia tài sản thì căn cứ lỗi của ai và công sức đóng góp để hình thành tài sản và yêu cầu bác đơn yêu cầu chia tài sản của bà L; Về nợ chung: Không có.

**Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Hữu H là ông Trần Ngọc A trình bày:** Nguồn gốc đất của vợ chồng ông H bà L có được là do cha ông H là ông Huỳnh Văn B để lại nên không đồng ý chia. Trong trường hợp Tòa án cho ly hôn và chia tài sản thì căn cứ lỗi của ai và công sức đóng góp để hình thành tài sản và yêu cầu bác đơn yêu cầu chia tài sản của bà L.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Minh K, bà Lâm Thị Thúy P trình bày:** Vào ngày 01/3/2019 vợ chồng có thuê đất của ông Huỳnh Hữu H. Việc thuê có làm giấy tờ, thời hạn thuê là 4 năm, diện tích thuê là 23 công, giá thuê là 45.000.000 đồng/1năm. Đất thuê tọa lạc ấp L1, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Nay vợ chồng ông H, bà L ly hôn và yêu cầu phân chia tài sản

là phần đất mà vợ chồng đang thuê vợ chồng yêu cầu được tiếp tục thuê và canh tác theo tờ thuê mướn đất mà vợ chồng và ông H đã ký.

***Tại Bản án sơ thẩm số 262/2019/HNGĐ-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Lan.

*Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Nguyễn Thị L ly hôn với ông Huỳnh Hữu H. Giấy chứng nhận kết hôn số 279 ngày 29/11/2011 do Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh An Giang cấp, không còn giá trị pháp lý.

*Về quan hệ con chung:* Buộc ông Huỳnh Hữu H giao cháu Huỳnh Công T, sinh ngày 12/02/2008 cho bà Nguyễn Thị L nuôi dưỡng. Ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

*Về quan hệ tài sản chung:*

- Ông Huỳnh Hữu H được sử dụng diện tích đất 15151,0m<sup>2</sup> nối các mốc điểm 1,2,3,4,5,6,7,8,15,14 thuộc thửa 59, tờ 71; diện tích đất 7898,0m<sup>2</sup> nối các mốc điểm 8,9,10,11,12,13,14,15 thuộc thửa 58, tờ 71 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04557 ngày 08/10/2010 và diện tích đất 6202,0m<sup>2</sup> nối các mốc điểm 16,17,18,19,20,21,22,23 thuộc thửa 62, tờ 71 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04556 ngày 07/12/2011 theo bản vẽ hiện trạng ngày 16/4/2019.

- Buộc ông Huỳnh Hữu H chia tài sản chung là quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L thành tiền là 748.826.000 đồng (Bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi tám triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Các đương sự có nghĩa vụ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký đất đai đúng với diện tích mà mình được sử dụng (Bản vẽ hiện trạng khu đất tranh chấp là một bộ phận không thể tách rời bản án).

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/11/2019 ông Huỳnh Hữu H có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp.

- Ông Huỳnh Hữu H trình bày: Ở giai đoạn phúc thẩm ông không còn ủy quyền cho ông Trần Ngọc A. Đối với vụ kiện này thì ông vẫn còn thương vợ, xin được đoàn tụ để cả hai cùng xây dựng gia đình và chăm sóc, dạy dỗ cho con.

- Bà Nguyễn Thị L trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông H. Yêu cầu xem xét như bản án sơ thẩm cho tôi được ly hôn với ông H, vì bản thân tôi đã chịu đựng rất nhiều và đã suy nghĩ rất kỹ trước khi đưa ra quyết định ly hôn vì từ khi ông H bị tai nạn giao thông tính tình thay đổi, cáu gắt, nóng tính, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, tình cảm vợ chồng không còn, nên không thể tiếp tục chung sống vợ chồng được nữa.

Luật sư P tranh luận: Từ khi bà L bỏ đi và khởi kiện xin ly hôn, ông H luôn tha thiết yêu cầu được đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con chung từ giai đoạn giải quyết vụ án của tòa cấp sơ thẩm cho đến nay, ngoài lý do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau...., bà L hoàn toàn không có lý do nào khác để xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng; nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H; bác yêu cầu khởi kiện của bà Lan; nếu tình trạng hôn nhân giữa bà L ông H không thể đoàn tụ được mà chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L; về con chung không ý kiến nhưng về phần tài sản chung vợ chồng cấp sơ thẩm chưa làm rõ nên yêu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy về phần chia tài sản chung của bà L - ông H.

#### **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:**

+ Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của ông Huỳnh Hữu H là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Giữa bà Nguyễn Thị L và ông Huỳnh Hữu H phát sinh tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung. Ngày 31/10/2019 Tòa án nhân dân huyện C tiến hành xét xử sơ thẩm. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L, giao cháu T cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, ông H được quản lý, sử dụng tổng diện tích đất 29.251m<sup>2</sup> theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04557 ngày 08/10/2010 và CH04556 ngày 07/12/2011 của UBND huyện C cấp cho ông H, bà L (Trị giá 1.872.064.000đ). Ông H có nghĩa vụ giao cho bà L số tiền 748.826.000đ. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L, ông được nuôi dưỡng con chung và không đồng ý chia tài sản chung.

**Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L:** Bà L và ông H chung sống với nhau từ năm 1997, đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà L yêu cầu ly hôn. Ông H cho rằng bà L có người đàn ông khác ở bên ngoài nhưng còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Nhưng từ khi hai bên xảy ra mâu thuẫn, ông H cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm gia đình, chỉ nhờ con chung hàn gắn nhưng không biết kết quả như thế nào. Bà L vẫn kiên quyết ly hôn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

**Đối với con chung cháu Huỳnh Công T:** Sau khi bà L về nhà cha mẹ ruột sinh sống thì cháu T được ông Hải chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi ý kiến của cháu T ngày 22/02/2019 thì cháu T có nguyện vọng được chung sống với mẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét lợi ích và nguyện vọng của cháu T, buộc ông H giao cháu T cho bà L nuôi dưỡng là có cơ sở. Nếu ông H cho rằng bà L không thể chăm sóc tốt cho cháu H thì sau này có thể khởi kiện yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

**Đối với tài sản chung:** Ông H và bà L cùng đứng tên 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH04557, ngày 08/10/2010 (diện tích 23.049m<sup>2</sup>) và số CH04556, ngày 07/12/2011 (diện tích 6.202m<sup>2</sup>). Ông bà chung sống với nhau từ năm 1997, đến ngày 29/11/2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND L. Do đó, giấy chứng nhận số CH04557, ngày 08/10/2010 có trước thời điểm ông bà đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, căn cứ vào hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sau khi ông Huỳnh Văn B chết (cha ông H) thì các anh em trong gia đình thống nhất để lại phần đất trên cho ông H, bà L nên đây là tài sản chung của ông H, bà L. UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hải, bà Lan là đúng theo quy định. Sau khi được cấp giấy chứng nhận và đến thời điểm bà L khởi kiện xin ly hôn, ông H, ông Huỳnh Hữu V (anh ruột ông H) biết nhưng không có tranh chấp, không yêu cầu. Nay ông H cho rằng ông B còn có 01 người con riêng không có ký tên trong văn bản phân chia thừa kế nên không đồng ý chia diện tích đất ông B để lại là không có cơ sở để xem xét. Nếu các đương sự có tranh chấp có thể khởi kiện thành vụ án khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nguồn gốc hình thành tài sản, công sức đóng góp của vợ chồng và lợi ích của vợ, con chưa thành niên. Chia khối tài sản chung theo tỷ lệ 6/4, ông H được 06 phần, nhận đất và giao lại cho bà L giá trị tương ứng với số tiền 748.826.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân gia đình.

Bởi các lẽ trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Hữu H. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 262/2019/HNGĐ-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Hữu H kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông H, thấy: Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về Ly hôn theo yêu cầu của một bên: *“1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”*

Căn cứ vào quy định trên, thấy mục đích kết hôn nhằm xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.

Tình trạng của vợ chồng chỉ được coi là trầm trọng khi: Vợ hoặc chồng luôn có hành vi ngược đãi, hành hạ nhau, như thường xuyên đánh đập, hoặc có hành vi khác xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của nhau, đã được bà con thân thích của họ hoặc cơ quan, tổ chức, đoàn thể nhắc nhở, hoà giải nhiều lần.

Tại phiên tòa bà L trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H bị tai nạn giao thông tính tình thay đổi, hay cáu gắt, nóng tính thường xuyên xảy ra tranh cãi nhưng ông H chưa có lần nào hành hạ hay đánh đập bà; lý do bà L yêu cầu xin ly hôn với ông là bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, hay cự cãi... Ngoài căn cứ này ra tại hồ sơ vụ kiện bà L không chứng minh được bất kỳ lý do nào khác thể hiện mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông H trầm trọng phải ly hôn.

Bà L khai nhận tại phiên tòa là do ông H thay đổi tính tình khi ông H bị tai nạn giao thông vào tháng 5/2018, đến tháng 9 năm 2018 bà L bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và làm đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và chia tài sản chung đối với ông H; lẽ ra trong đời sống chung vợ chồng cần quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...ông H sau khi bị tai nạn đã chịu cú sốc nặng nề về tinh thần và sức khỏe cần có sự quan tâm chăm sóc của bà L nhưng ngược lại bà L đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống, và gửi đơn khởi kiện yêu cầu xin ly với ông H và cũng

trong thời gian này cho đến nay con chung là cháu Huỳnh Công T sinh ngày 12/02/2008 đang được ông H chăm sóc nuôi dạy. Tại phiên tòa, ông H biết mình thay đổi tính tình sau tai nạn, có lúc không nhẹ nhàng với vợ, ông H đã thấy được cái sai và hứa sửa chữa khắc phục để vợ chồng được hàn gắn và tiếp tục chung sống, và con cái có được sự chăm sóc dạy dỗ của cha cả mẹ nên cần duy trì quan hệ hôn nhân của ông H và bà L là cần thiết, phù hợp với đạo đức xã hội. Cấp sơ thẩm nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà L ông H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài... chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L cho ly hôn là chưa thỏa đáng.

Vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Hữu H, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông H. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nên Tòa án không xem xét về quan hệ con chung và tài sản chung.

[3] Về án phí: Người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Hữu H.
- Sửa bản án sơ thẩm số 262/2019/HNGĐ-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Huỳnh Hữu H.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 20.040.000 đồng (Hai mươi triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013130 ngày 31/5/2019 và 7.612.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000487 ngày 24/12/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị L được nhận lại 27.352.000 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi hai nghìn đồng).

- Án phí phúc thẩm: Ông Huỳnh Hữu H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007552 ngày 13/11/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND H. C (1)
- THA H. C (1)
- Tòa GD & NCTN (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Đương sự “Đề thi hành” ;
- Lưu: Hồ sơ.

**Lâm Ngọc Phụng**







